TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VĨNH YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 114 /2018/HS-ST Ngày 28- 9 - 2018	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Bùi Thanh Bình;

Bà Trần Thị Phượng.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh ngày 20/9/1993; tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn PN, xã LH, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: Tổ dân phố TG, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị H; chồng: Nguyễn Xuân D (đã ly hôn); con: Có 01 con sinh năm 2015; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Tuấn Đ, sinh ngày 11/11/1998, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 2, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: Tổ dân phố TG, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Không xác định; mẹ đẻ: Nguyễn Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/11/2017 cho đến nay (có mặt).

Bị hại: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn ĐL, xã TL, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc; chỗ ở: Tổ dân phố VTĐ, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người liên quan: Anh Đào Anh V, sinh năm 1987 và anh Trần Ngọc L, sinh năm 1974; đều có nơi cư trú: Tổ dân phố TG, phường KQ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị L và Phạm Văn H có mối quan hệ quen biết nên H đã 02 lần vay tiền của L (lần1: 78.000.000đ; lần 2: 4.700.000đ), tổng số tiền là 82.700.000đ, khi vay chỉ thỏa thuận miệng, không viết giấy tờ gì, không có lãi suất. Sáng ngày 27/11/2017, L gọi điện thoại cho anh H để đòi nợ, H khất nợ nhưng L không đồng ý. Chiều ngày 2 biết việc H nợ tiền nhưng không trả, đồng thời L tiếp tục gọi điện cho anh H để đòi nợ, khi L gọi điện cho anh H, V có nói qua điện thoại của L với anh H "Cầm tiền đến đây trả đi, tao với nó làm chung", anh H hẹn L đến buổi tối cùng ngày đến phòng trọ của L để trả nợ. Khoảng 18 giờ ngày 27/11/2017, anh H cùng anh Nguyễn Bá Tuệ đến phòng trọ của L, tại phòng của L có Nguyễn Tuấn Đ, Lê Thị N, Nguyễn Thị Thu H, Phan Thị Quỳnh A, một lúc sau thì anh Đào Anh V và anh Trần Ngọc L đến phòng của L. Quá trình L và anh H nói chuyện thì chị N, chị H và chị Quỳnh A có việc bận đi ra khỏi phòng, anh H để điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy note8 của mình xuống bàn uống nước. L yêu cầu anh H phải trả cho L số tiền đã vay 82.700.000đ, anh H không có tiền trả, L yêu cầu anh H phải viết giấy vay nợ L số tiền trên, H không đồng ý viết giấy vay nợ nên giữa anh H và L xảy ra cãi chửi nhau. Thấy vậy V nói:" Không được cãi nhau ở đây, anh em làm ăn với nhau, nợ tiền thì phải trả" còn anh L đi ra ngoài. H không muốn trả nợ cho L nên anh H nói không vay nợ L, lúc sau nói nợ L số tiền 5.000.000đ rồi 12.000.000đ, sau đó lại nói chỉ nợ L 20.000.000đ. Nghe thấy H nói như vậy, L bực tức đứng lên cầm 01 chiếc bát ăn cơm bằng sứ, màu trắng, miệng hình tròn dùng để làm gạt tàn thuốc lá để ở trên bàn uống nước ném về phía anh H thì trúng vào vùng chẩm sau bên phải đầu anh H, làm anh H bị thương tích rách da, chảy máu còn chiếc bát sứ rơi xuống đất vỡ. Đ cũng lao đến dùng tay đấm vào vùng đầu anh H rồi đi ra khép cửa, đứng chặn ở cửa phòng không cho anh H đi ra ngoài, mục đích để ép anh H phải viết giấy vay nợ L, L đi vào trong phòng ngủ lấy một chiếc máy kẹp tóc dài khoảng 35 - 40cm có vỏ nhựa màu đen, lõi bằng kim loại, có nối dây điện ra đánh vào người anh H thì được V và một số người trong phòng can ngăn. Sau khi bị L, Đ đánh gây thương tích, anh H xin về và hứa sẽ trả tiền cho L nhưng L không đồng ý, L yêu cầu anh H phải viết giấy vay nợ L số tiền 82.700.000đ. Do sợ bị L, Đ tiếp tục đánh nên anh H đồng ý viết giấy vay nợ, L đi vào phòng lấy 04 tờ giấy A4, trong đó có 03 tờ in sẵn mẫu "Giấy vay tiền kiêm nhận nợ" và 01 tờ giấy trắng, 01 bút bi mực màu đen, 01 hộp mực đỏ để trên bàn

uống nước rồi yêu cầu anh H viết giấy vay số tiền 82.700.000đ của L. Anh H viết giấy vay nợ theo mẫu in sẵn rồi đưa cho L nhưng L không đọc được nên yêu cầu anh H viết lại, anh H tiếp tục viết tờ thứ hai nhưng L vẫn không đồng ý rồi vò, ném hai tờ giấy trên. Do bị L, Đ đánh bị choáng váng không tiếp tục viết được nên anh H nhờ V viết hộ giấy vay nợ, V đồng ý rồi viết giấy vay nợ theo mẫu in sẵn. Sau khi V viết xong đưa cho anh H thì anh H lại ký nhầm vào mục bên cho vay, thấy anh H ký sai nên V vò, ném tờ giấy trên vứt đi. Lúc này, L đưa tờ giấy trắng còn lại cho Đ, bảo Đ viết cho anh H, Đ đồng ý rồi viết giấy vay nợ nội dung anh H nợ L số tiền 82.700.000đ. Sau khi viết xong, Đ đưa cho anh H ký vào mục bên vay rồi Đ cầm ngón trỏ tay phải của anh H chấm vào hộp mực đỏ L đã đem ra trước đó rồi điểm chỉ vào phần anh H đã ký trên giấy vay nợ, anh H có nhờ anh T ký vào mục người chứng kiến nhưng anh T không ký, lúc này anh L đi vào phòng L thấy vậy bảo "để em chứng kiến cho" rồi anh L ký vào tờ giấy vay nợ của anh H với L. Sau khi anh H ký, điểm chỉ vào giấy vay nợ, L cầm tờ giấy trên để lên bàn uống nước còn anh H cầm điện thoại của mình định gọi cho gia đình thì bị L giật lại. Anh H xin lại chiếc điện thoại trên thì L nói với anh H: "Phải trả tiền trong ngày 28/11/2017 nếu không trả sẽ lấy điện thoại để trừ nợ". Anh H và anh T ra về và đến Công an phường KQ, thành phố V trình báo sự việc trên.

Ngày 28/11/2017, Cơ quan điều tra Công an thành phố V đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở, đồ vật của Nguyễn Thị L tại tổ dân phố TG, phường KQ, thành phố V. Kết quả: Thu giữ 02 tờ giấy A4 in theo mẫu "Giấy vay tiền kiêm nhận nợ", nội dung anh H nợ L 82.700.000đ, không có chữ ký của người vay và người cho vay; 01 hộp mực dấu màu đỏ, 01 sổ tay màu đỏ, kích thước (10x15) cm bên ngoài có chữ Castor.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ việc và thu giữ 01 máy kẹp tóc dài khoảng 35 - 40cm có vỏ bằng nhựa cứng màu đen, lõi bằng kim loại, đuôi máy kẹp tóc có nối dây điện; 02 mảnh bát bằng sứ bị vỡ; 01 then cài cửa bằng kim loại kích thước (31,5x1)cm. Nguyễn Thị L đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy note8 màu đen, không có sim là điện thoại của anh H, niêm phong ký hiệu A1; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone6 màu hồng lắp sim số 0978.612.223 là điện thoại của L, niêm phong ký hiệu A2.

Tại Kết L giám định pháp y về thương tích số 392/TgT ngày 06/12/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc kết L thương tích của anh Phạm Văn H: "Về thương tích: Vùng chẩm sau bên phải có 01 vết thương hình hơi vòng cung, cung mở xuống dưới sang phải đã được khâu bằng 03 mũi chỉ dời dài 2,5cm. Kết L: Vết thương vùng chẩm sau bên phải, xếp 02%; Cơ chế hình thành vết thương: Các

thương tích đã mô tả trên có thể do vật tày có cạnh gây nên. Tổn hại sức khỏe ở thời điểm hiện tại là 02%.

Tại Kết L định giá số 222/KL-HĐĐG ngày 8/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố V kết L: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy note8, màu đen, màn hình cảm ứng 6.3inch, máy đã cũ, đã qua sử dụng trị giá 15.000.000đ

Tại Cáo trạng số: 103/CT-VKSTP.VY ngày 10/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố V đã truy tố Nguyễn Thị L và Nguyễn Tuấn Đ về tội: "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Tuấn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Bị hại anh Phạm Văn H tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai anh H trình bày: Anh có vay của bị cáo L số tiền là 82.700.000đ, L nhiều lần gọi điện thoại cho anh để đòi tiền. Chiều ngày 27/11/2017, anh và T đến phòng trọ của L, tại phòng L có anh V, anh Đ, anh Liên là bạn của L. L yêu cầu anh phải trả tiền nhưng anh không có tiền trả, L yêu cầu anh viết giấy nhận nợ L số tiền 82.700.000đ, do anh sợ phải trả tiền lãi nên anh nói chỉ nợ H 5.000.000đ, rồi 12.000.000đ, rồi 20.000.000đ. L bực tức đã cầm 01 chiếc bát ăn cơm bằng sứ ném trúng vào vùng chẩm sau bên phải đầu của anh làm anh bị thương tích rách da, chảy máu. Sau đó Đ xông đến đánh vào đầu anh, L dùng máy kẹp tóc đánh vào người anh. Sau khi Đ viết hộ giấy vay tiền cho anh, anh ký và điểm chỉ vào giấy vay tiền xong thì cầm điện thoại Samsung Galaxy note 8 để ra về thì L giật chiếc điện thoại của anh và bảo khi nào trả tiền thì lấy điện thoại. Anh và anh Tuệ ra về sau đó đến Công an phường KQ trình báo. Đối với thương tích của anh do bị L, Đ đánh, anh đã điều trị vết thương với số tiền là 2.000.000đ, quá trình điều tra L, Đ đã bồi thường cho anh số tiền này. Anh không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L và Đ về tội: "Cố ý gây thương tích" và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho anh khoản tiền gì, đồng thời anh có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho L, Đ (bút lục 75 - 103).

Người liên quan anh Đào Anh V tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai anh V trình bày: Chiều ngày 27/11/2017 anh có đến phòng trọ của L thì thấy H và L cãi nhau anh có nói: "Anh em làm ăn với nhau, nợ tiền thì phải trả". Sau khi L, H cãi nhau, L đã ném bát vào đầu của anh H, Đ xông đến đánh H, L dùng kẹp tóc để đánh vào người H nhưng anh đã can ngăn, anh không tham gia đánh H, anh không được L thuê hay nhờ giúp đỡ để đòi tiền H, anh không có lời lẽ đe dọa gì đối với H để ép H viết giấy nhận nợ (bút lục 195 - 206).

Người liên quan anh Trần Ngọc L tại phiên tòa vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai anh L trình bày: Anh ở gần phòng trọ của L, chiều ngày 27/11/2017 anh có đến phòng trọ của L chơi, anh thấy L và H cãi nhau về việc nợ tiền. Sau đó anh có việc đi ra ngoài khoảng 20 phút quay lại thì thấy Đ đang đưa cho H ký và điểm chỉ vào giấy vay tiền, Đ bảo T ký vào chỗ người chứng kiến nhưng anh T không ký, nên anh đã ký vào chỗ người chứng kiến (bút lục 125 - 129).

Người làm chứng anh Tuệ vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra anh T khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên (bút lục 104 - 109).

Đại diện Viện kiểm sát L tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng.Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo L và bị cáo Đ, bị cáo Đ còn áp dụng thêm Điều 20, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; bị cáo Nguyễn Tuấn Đ từ 04 năm 09 tháng đến 05 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam. Áp dụng khoản 1 Điều 41; khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung 2009); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc kẹp tóc; 01 hộp mực màu đỏ; 02 mảnh bát bằng sứ bị vỡ; 01 then cài cửa bằng kim loại; trả lại bị cáo L 01 điện thoại Iphone 6, màu hồng nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án; xác nhận bị cáo L và Đ đã tự nguyện bồi thường cho H số tiền 2.000.000đ.

Bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Tuấn Đ không bào chữa và tranh L gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Tuấn Đ tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và H quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết L:

Xuất phát từ việc ngày 24 và ngày 25/11/2017, anh Phạm Văn H vay nợ của Nguyễn Thị L tổng số tiền là 82.700.000đ, đến hạn anh H không trả nợ mặc dù L đã nhiều lần đòi tiền. Khoảng 19 giờ ngày 27/11/2017, tại phòng trọ của L ở tổ dân phố TG, phường KQ, thành phố V, L có hành vi dùng bát sứ ném vào đầu, dùng

máy kẹp tóc đánh vào người anh H, Nguyễn Tuấn Đ dùng tay không đấm vào vùng đầu anh H ép anh H viết giấy nhận nợ L với số tiền 82.700.000đ. Khi anh H ký, điểm chỉ vào giấy nhận nợ với L xong, anh H cầm chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy note 8 của mình thì bị L giữ lại chiếc điện thoại trên với mục đích để trừ nợ, trị giá chiếc điện thoại trên là 15.000.000đ.

Hành vi của bị cáo L dùng chiếc bát sứ ném vào vùng chẩm sau đầu của anh H, Đ dùng tay đánh vào đầu H, L dùng máy kẹp tóc đánh vào người anh H đe dọa ép H phải viết giấy vay nợ tiền, L còn giữ chiếc điện thoại của anh H để trừ nợ đã phạm vào tội: "Cướp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 133 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Cụ thể điều luật quy định:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

d) Sử dụng… phương tiện… nguy hiểm khác".

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe và quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo phạm tội theo điểm d khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 15 năm nên theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì trường hợp nêu trên thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, và không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục H quả; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Về vai trò bị cáo L là người khởi xướng, trực tiếp thực hiện hành vi đánh, đe dọa ép H phải viết giấy nhận nợ, Đ là đồng phạm tiếp nhận ý chí của L xông đến đánh H, nhưng giữa L và Đ không có sự bàn bạc, phân công cụ thể nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo L và bị cáo Đ đủ điều kiện để áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử dưới khung hình phạt đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục và cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có liên quan và hành vi có liên quan trong vụ án:

Đối với anh Đào Anh V, quá trình điều tra,V thừa nhận có đến phòng trọ của L vào tối ngày 27/11/2017, V có mặt tại phòng trọ của L khi L, Đ đánh anh H và can ngăn L dùng máy kẹp tóc đánh anh H và được H nhờ viết hộ giấy vay nợ cho L. V không được L thuê hay nhờ giúp đỡ để đòi tiền anh H, V không tiếp nhận ý chí với L, Đ trong việc đánh, ép anh H phải viết giấy vay nợ L. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với V về tội "Cướp tài sản" là phù hợp.

Đối với anh Trần Ngọc L là người ký vào mục người chứng kiến trong tờ giấy vay nợ Đ viết cho anh H, cơ quan điều tra không thu giữ được tờ giấy này. Qúa trình điều tra xác định khi L, Đ có hành vi dùng vũ lực ép anh H viết giấy vay nợ, anh Liên không có mặt, không có hành vi giúp sức cho L, Đ đánh, ép anh H viết giấy vay nợ. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Liên trong vụ án này là phù hợp.

Đối với thương tích của anh Phạm Văn H do bị L dùng bát sứ ném vào đầu, do thương tích nhẹ nên anh H tự điều trị đồng thời có đơn đề nghị không xử lý hình sự đối với L, Đ về hành vi gây thương tích cho anh.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 133 của Bộ luật Hình sự năm 1999 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đối với thương tích của anh Phạm Văn H, do thương tích nhẹ anh H đã tự điều trị, quá trình giải quyết vụ án L, Đ đã bồi thường cho anh H số tiền 2.000.000đ, anh không yêu cầu L, Đ phải bồi thường cho anh khoản tiền gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng:

Đối với 02 mảnh bát bằng sứ, màu trắng bị vỡ; 01 máy kẹp tóc; 01 hộp mực dấu màu đỏ; 02 tờ giấy A4, in theo mẫu "Giấy vay tiền kiêm nhận nợ". Qúa trình điều tra xác định là tài sản của L sử dụng vào việc phạm tội là tang vật vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy; 01 chiếc then cài cửa bằng kim loại hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 sổ tay màu đỏ, bên ngoài in chữ Castor thu giữ tại phòng trọ của L. Quá trình điều tra, L không thừa nhận cuốn sổ trên là của L, Cơ quan điều tra chưa

xác định được chủ sở hữu của cuốn sổ này nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6 thu giữ của L không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bị cáo; đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy note 8 của anh H, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định về kỹ thuật số, điện tử khôi phục được dữ liệu tin nhắn, cuộc gọi có nội dung thể hiện việc ghi số lô, số đề. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại trên để điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau là có căn cứ đúng pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 05 (Năm) năm tù về tội: "Cướp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm b, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn Đ 04 (Bốn) năm 09 tháng tù về tội "Cướp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 29/11/2017.

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc máy kẹp tóc; 01 hộp mực màu đỏ; 02 mảnh bát bằng sứ bị vỡ; 01 chiếc then cài cửa bằng kim loại;

Trả lại bị cáo L: 01 điện thoại Iphone 6, màu hồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị L và Nguyễn Tuấn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

- Chi cục Thi hành án TP V;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

Nguyễn Thị Đường